TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2023/DS-ST

Ngày: 28-11-2023

V/v "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tùng

Bà Đặng Thị Yến Nhi

T1 ký phiên tòa: Ông Phan T Trung – T1 ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 344/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số A, ấp M, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Anh T1, sinh năm 1996. Địa chỉ: số 92, ấp A1, xã A1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1976.

Ông Trần A, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa chị T1 có mặt; bà T, ông A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi ý kiến đương sự, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Anh T1 trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2022, ông D có bán thức ăn chăn nuôi gà cho bà Nguyễn Thị Ngọc T và chồng là ông Trần A với hình thức bán gối đầu. Bà T và ông Anh xuất chuồng đợt gà nào sẽ trả tiền thức ăn đợt gà đó cho ông D. Mỗi lần giao thức ăn, ông D có ghi sổ, bà T và ông Anh có ký xác nhận vào. Sau mỗi đợt bán gà, bà T và ông Anh không trả đủ tiền thức ăn đã mua. Đến tháng 12/2022, hai bên kết thúc mua bán với nhau do bà T và ông Anh bán gà nhiều lần nhưng không thanh toán đủ tiền thức ăn cho ông D, cụ thể:

Đợt gà từ ngày 05/01/2021 đến ngày 16/9/2021 bà T, ông Anh còn nợ số tiền 167.700.000 đồng.

Đợt gà từ ngày 19/9/2022 đến ngày 02/11/2022 bà T, ông Anh còn nợ số tiền 46.200.000 đồng.

Đợt gà từ ngày 15/12/2021 đến ngày 17/4/2022, bà T, ông Anh còn nợ số tiền 25.330.000 đồng.

Đợt gà từ ngày 14/02/2022 đến ngày 12/6/2022, bà T, ông Anh còn nợ số tiền 33.200.000 đồng.

Đợt gà từ ngày 12/6/2022 đến ngày 10/10/2022, bà T, ông Anh còn nợ số tiền 59.890.000 đồng.

Đợt gà từ ngày 30/7/2022 đến ngày 03/11//2022, bà T, ông Anh còn nợ số tiền 82.820.000 đồng.

Bà T và ông Anh hứa hẹn đến ngày 31/3/2023 sẽ trả hết số tiền trên tuy nhiên ông bà không thực hiện. Đến ngày 31/8/2023, ông D gửi thông báo ấn định thêm thời hạn trong vòng 15 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bà T và ông Anh thực hiện nghĩa vụ trả nợ, hết thời gian ấn định ông sẽ yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Theo đơn khởi kiện, ông D yêu cầu bà T, ông Anh liên đới trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 415.140.000 đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 01/4/2023 cho đến ngày 01/9/2023 là 17.228.310 đồng. Tổng gốc và lãi là 432.368.310 đồng. Nay ông D thay đổi một phần nội dung khởi kiện, yêu cầu tính lãi với lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày hết hạn thông báo là ngày 16/9/2023 cho đến ngày 16/11/2023 tròn 02 tháng với số tiền lãi 6.891.324 đồng, tổng gốc và lãi là 422.031.324 đồng. Ông D không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 17/11/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo biên bản ghi ý kiến của đương sự ngày 07/11/2023 và đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt ngày 07/11/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần A trình bày: Bà T và ông Anh là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Nhượng. Ông bà có mua thức ăn chăn nuôi của ông D để chăn nuôi gà phát triển kinh tế gia đình từ nhiều năm nay, hình thức mua là bao chuồng, tức là đến khi bán gà sẽ trả tiền thức ăn. Do chăn nuôi gà có đợt thua lỗ nên ông bà không trả đủ tiền thức ăn cho ông D. Mỗi lần giao thức ăn hai bên có ghi vào sổ theo dõi, mỗi bên giữ một cuốn. Cách đây khoảng 01 năm, ông D ngưng không bán thức ăn cho ông bà nữa. Ông bà có gặp ông D xin thêm thời gian để bán đất lấy tiền trả nợ và có hứa đến ngày 31/3/2023 sẽ trả hết số nợ trên cho ông D. Tuy nhiên, do chưa bán được đất nên đến nay chưa có tiền trả cho ông D. Ông bà thống nhất còn nợ ông D số tiền gốc là 415.140.000 đồng và có ký tên vào sổ chốt nợ. Ông bà đồng ý trả số nợ này cho ông D nhưng xin thêm thời gian lo tiền trả và đang gặp khó khăn nên xin ông D không yêu cầu tính lãi. Do bận việc gia đình và ông Anh đang bị bệnh nên xin Tòa giải quyết vắng mặt ông bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông D khởi kiện yêu cầu bà T và ông Anh liên đới trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Bị đơn bà T và ông Anh cư trú tại ấp Hưng Hòa Đông (ấp 3), xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà T và ông Anh có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Anh.

[2] Về nội dung vụ án: Ông D yêu cầu bà T và ông Anh liên đới trách nhiệm trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 415.140.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 16/9/2023 cho ngày 16/11/2023. Tại tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi một phần nội dung khởi kiện là mốc thời gian yêu cầu tính lãi, nội dung thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông D nộp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: Sổ theo dõi ghi mỗi lần giao thức ăn, có ghi số tiền mỗi đợt giao, bà T cũng xác định bà và chồng là ông Anh có ký tên xác nhận vào sổ. Đồng thời tại Toà, bà T cũng thừa nhận còn nợ ông D số tiền mua thức ăn là 415.140.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng". Theo thỏa thuận của hai bên, bên mua có trách nhiệm trả số tiền thức ăn sau mỗi đợt bán gà, tuy nhiên bà T và ông Anh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận. Sau đó bà T và ông Anh xin gia hạn lại đến ngày 31/3/2023 sẽ thanh toán số nợ trên. Đến ngày 31/8/2023, ông D tiếp tục thông báo cho bà T và ông Anh trong thời hạn 15 ngày trả tiền cho ông D, ông D sẽ không yêu cầu tính lãi. Tuy nhiên đến nay bị đơn chưa thực hiện việc trả tiền cho ông D. Do đó, việc ông D khởi kiện yêu cầu bà T và ông Anh liên đới trách nhiệm trả số tiền gốc còn nợ 415.140.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả theo lãi suất 0.83%/tháng kể từ ngày 16/9/2023 cho ngày 16/11/2023 tròn 02 tháng, ông D không yêu cầu tính lãi từ ngày 17/11/2023 cho đến ngày xét xử là có lợi cho bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 357 Bộ Luật dân sự nên được chấp nhận. Từ ngày 16/9/2023 đến ngày 16/11/2023 được tính như sau: 415.140.000 đồng x 0.83% x 02 tháng = 6.891.324 đồng. Như vậy tổng số tiền ông T, bà Tư có trách nhiệm trả cho ông D là 422.031.324 đồng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 đồng + 4% x 22.031.324 đồng = 20.881.252 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận, vì vậy bà T và ông Anh có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1ờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng D. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần A có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Hoàng D số tiền mua thức ăn còn nợ và tiền lãi là 422.031.324 (bốn trăm hai mươi hai triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn, ba trăm hai mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Trần A có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí là 20.881.252 (hai mươi triệu, tám trăm tám mươi mốt nghìn, hai trăm năm mươi hai) đồng.

- Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm hoàn lại cho ông Lê Hoàng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.647.000 đồng (mười triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006277 ngày 09/10/2023.

[3] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan